

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: #sovb/QĐ-UBND ngày #nbh/01/2025 của UBND huyện Phước Sơn)

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân huyện quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	710.034,0	144.929,0	445.747,0	14.868,0	67.228,0	37.262,0	37.262,0	-	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	496.454,0	137.463,0	322.585,0	-	-	36.406	36.406	-	-
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	8.584,5		8.584,5			-			
2	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2.525,9		2.525,9			-			
3	Phòng Nội vụ	2.875,6		2.875,6			-			
4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	19.243,6		19.243,6			-			
5	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	3.415,8		3.415,8			-			
6	Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	3.140,4		3.140,4			-			
7	Phòng Tư pháp	1.058,5		1.058,5			-			
8	Thanh tra huyện	959,3		959,3			-			
9	Phòng Văn hóa - Thông tin	1.395,2		1.395,2			-			
10	Phòng Tài nguyên - Môi trường	4.402,8		4.402,8			-			
11	Phòng Giáo dục - Đào tạo	2.716,0		2.716,0			-			
12	Phòng Dân tộc	1.170,3		1.170,3			-			
13	Ban Chỉ huy quân sự huyện	4.487,0		4.487,0			-			
14	Công an huyện	8.750,0	7.400,0	1.350,0			-			
15	Văn phòng Huyện ủy	12.261,8		12.261,8			-			
16	Văn phòng Ủy ban MTTQ VN huyện	1.897,9		1.897,9			-			

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
17	Hội Nông dân	1.272,3		1.272,3			-			
18	Huyện đoàn	780,4		780,4			-			
19	Hội Liên hiệp phụ nữ	1.274,3		1.274,3			-			
20	Hội Cựu chiến binh	934,5		934,5			-			
21	Hội Khuyến học	180,0		180,0			-			
22	Hội Cựu thanh niên xung phong	180,0		180,0			-			
23	Hội Chữ thập đỏ	260,0		260,0			-			
24	Hội Người cao tuổi	180,0		180,0			-			
25	Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp	2.991,2		2.991,2			-			
26	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình	6.638,8		6.638,8			-			
27	Ban Quản lý rừng phòng hộ	1.260,0	32,0	1.228,0			-			
28	Ban Quản lý DA ĐTXD và PTQĐ huyện	77.836,0	77.836,0							
29	Trung tâm chính trị	1.159,6		1.159,6			-			
30	Ban An toàn giao thông huyện	-					-			
31	Trường Mẫu non Ánh Hồng	6.490,2		6.490,2			-			
32	Trường Mẫu giáo Sơn Ca	4.147,2		4.147,2			-			
33	Trường Mẫu giáo Hòa Mỹ	2.532,2		2.532,2			-			
34	Trường Mẫu giáo liên xã Kim - Thành - Lộc	4.739,6		4.739,6			-			
35	Trường Mẫu giáo liên xã Chánh Công	3.583,8		3.583,8			-			
36	Trường Mẫu giáo liên xã Năng Mỹ	3.988,8		3.988,8			-			
37	Trường Mẫu giáo liên xã Hiệp Hòa	4.353,8		4.353,8			-			
38	Trường THLX Chánh Công	10.365,3		10.365,3			-			
39	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	13.689,8		13.689,8			-			

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
40	Trường PTDTBT TH&THCS Phước Lộc	4.805,5		4.805,5			-			
41	Trường TH&THCS Phước Thành	7.110,0		7.110,0			-			
42	Trường PTDTBT TH&THCS Phước Kim	6.218,4		6.218,4			-			
43	Trường PTDTBT THCS Phước Chánh	5.953,2		5.953,2			-			
44	Trường TH&THCS Phước Mỹ	9.741,6		9.741,6			-			
45	Trường TH&THCS Phước Năng	11.087,8		11.087,8			-			
46	Trường THCS Lý Tự Trọng	10.463,2		10.463,2			-			
47	Trường TH&THCS Kim Đồng	11.992,9		11.992,9			-			
48	Trường TH&THCS Võ Thị Sáu	5.165,2		5.165,2			-			
49	Trường TH&THCS Phước Hòa	7.061,2		7.061,2			-			
50	Trường TH&THCS Phước Hiệp	9.149,2		9.149,2			-			
51	Chi đầu tư chưa phân bổ	88.601,0	52.195,0				36.406	36.406		
52	Chi thường xuyên chưa phân bổ	91.382,4		91.382,4			-			
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	14.868,0			14.868,0					
III	CHI TẠO NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	67.228,0				67.228,0				
IV	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	131.484,0	7.466,0	123.162,0			856,0	856,0		
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-								